TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-PT
Ngày: 01-6-2021
"V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLPT-DS, ngày 08/4/2021, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2021/QĐ-PT, ngày 22/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐ-PT, ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Đ: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: 1. Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1970 (có mặt).

2. Ông Trần Vũ H, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1955 (có mặt).

2. Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1980 (có mặt).

3. Bà Hồng Kim O, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Đ là bà Phạm Ngọc N trình bày*: Vợ chồng bị đơn Q và H có tham gia các dây hụi do nguyên đơn Đ làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi mở ngày 10/10/2009, hụi 1.000.000đ, 02 tháng khui một kỳ, hụi có 27 phần, bà Q tham gia một phần và hốt hụi vào lần khui thứ hai, không nhớ số tiền bà Q hốt được bao nhiêu, bà Q đóng hụi chết đến lần thứ 15 và còn nợ lại 12 kỳ số tiền là 12.000.000đ, hụi đã mãn từ ngày 10/4/2014. Bà Đ yêu cầu ông H bà Q trả tiền hụi còn nợ và tính lãi từ ngày mãn hụi cho đến ngày 10/4/2017 lãi suất 0,75%/tháng, từ sau ngày 10/4/2017 đến nay lãi suất 0,83%/tháng, cộng tiền lãi tính tròn là 7.820.000đ.

- Dây hụi thứ hai và thứ ba: Hụi mở cùng ngày 30/11/2010, hụi 300.000đ, 01 tháng khui một kỳ, hụi có 40 phần, bà Q tham gia mỗi dây một phần, bà Q hốt hụi dây thứ hai vào lần khui thứ hai, đóng hụi đến lần thứ 18 thì ngưng đóng, còn nợ 22 lần số tiền là 6.600.000đ. Dây thứ ba bà Q hốt vào lần khui thứ 24 và không đóng hụi chết, còn nợ 16 lần là 4.800.000đ. Tổng cộng hai dây nợ 11.400.000đ, hụi đã mãn từ ngày 30/5/2013. Bà Đ yêu cầu ông H bà Q trả tiền hụi còn nợ và tính lãi từ ngày mãn hụi cho đến ngày 30/01/2017 lãi suất 0,75%/tháng, từ sau ngày 30/01/2017 đến nay lãi suất 0,83%/tháng, cộng tiền lãi tính tròn là 7.770.000đ.

- Dây hụi thứ tư: Mở ngày 10/10/2009, hụi 300.000đ, 01 tháng khui một lần, hụi có 28 phần, bà Q tham gia một phần, bà Q hốt hụi lần khui thứ 05, không nhớ số tiền bà Q hốt được bao nhiêu, đóng hụi đến lần thứ 12 thì ngưng, còn nợ 16 lần số tiền 4.800.000đ. Bà Đ yêu cầu ông H bà Q trả tiền hụi còn nợ và tính lãi từ ngày mãn hụi cho đến ngày 10/01/2017 lãi suất 0,75%/tháng, từ sau ngày 10/01/2017 đến nay lãi suất 0,83%/tháng, cộng tiền lãi tính tròn là 4.000.000đ.

Ngoài ra bà Q có vay của bà Đ 2.000.000đ nhưng nay bà Đ rút lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay, chỉ yêu cầu đòi tiền hụi.

Yêu cầu Tòa án buộc bà Q và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền hụi của 04 dây hụi là 28.200.000đ, tiền lãi 19.590.000đ, tổng cộng là 47.790.000đ.

Lý do yêu cầu ông H cùng có trách nhiêm trả nợ là vì việc bà Q tham gia chơi hụi là trong thời kỳ hôn nhân và để sử dụng sinh hoạt gia đình.

* *Bị đơn bà Đặng Thị Q trình bày*: Các dây hụi bà Đ kiện bà là bà không có tham gia, còn ông Trần Vũ H không trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST, ngày 22/02/2021, đã quyết định như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 9, 17, 24 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ yêu cầu buộc bà Đặng Thị Q và ông Trần Vũ H trả tiền hụi tổng cộng là 47.790.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc yêu cầu bà Đặng Thị Q và ông Trần Vũ H trả tiền vay 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/3/2021, bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Đ, buộc bị đơn H và Q phải trả tiền nợ hụi cho nguyên đơn Đ số tiền là 47.790.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ, bị đơn Q đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn Hchưa chấp hành đúng quy định về việc có mặt tham dự phiên tòa phúc thẩm theo triệu tập của Tòa án.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung kháng cáo*: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Đ, buộc bị đơn H và Q phải trả tiền nợ hụi còn thiếu cho nguyên đơn Đ với số tiền là 47.790.000đ, vì các căn cứ sau:

- Tại "Tờ tường trình ngày 15/7/2020" do bị đơn H ký tên, bị đơn H viết bổ sung, có nội dung bị đơn H thừa nhận có chơi 02 dây hụi của chủ hụi là nguyên đơn Đ ngày 30/11/2010 và hốt hụi lần thứ 02 và lần thứ 24. Vì vậy, bị đơn H có nghĩa vụ phải chứng minh đã đóng đủ số tiền hụi chết của 02 dây này. Nếu không chứng minh được thì chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 02 dây hụi ngày 30/11/2010.

- Các hụi viên cùng chơi hụi với bị đơn Q xác nhận bị đơn Q có chơi 04 dây hụi mà nguyên đơn Đ đang kiện.

Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ thì thấy rằng:

- Nguyên đơn Đ cho rằng bị đơn H và Q có tham gia chơi 04 dây hụi, đã hốt hụi và còn thiếu tiền vốn và lãi là 47.790.000đ. Nguyên đơn Đ thừa nhận việc chơi hụi không ghi sổ sách cụ thể và khi hụi viên hốt hụi cũng không ký tên xác nhận. Bị đơn Q không thừa nhận có chơi hụi và còn thiếu tiền như nguyên đơn Đ trình bày, còn bị đơn H thì không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ.

- Các hụi viên cùng tham gia chơi hụi do nguyên đơn Đ cung cấp lần đầu cũng không xác định được bị đơn H và Q có tham gia chơi hụi và còn thiếu tiền hụi như nguyên đơn Đ khởi kiện hay không? Các người làm chứng: ông Lê Văn N; ông Huỳnh Thanh H và bà Hồng Kim O do nguyên đơn Đ cung cấp lần 02 cho rằng có biết bà Q cùng chơi hụi chung các dây hụi mà nguyên đơn Quyển đang kiện đòi nhưng họ không xác định được bị đơn Q hốt hụi khi nào? đã đóng được bao nhiêu tiền hụi và còn thiếu nguyên đơn Đ bao nhiêu tiền hụi thì họ không biết. Vì vậy, những lời khai của những người làm chứng này không thể làm chứng cứ khi giải quyết vụ án này.

- Trong "Tờ tường trình ngày 15/7/2020" có chữ ký của bị đơn H do bà N đại diện nguyên đơn Đ cung cấp cho Tòa án, không có nội dung nào thể hiện bị đơn Hthừa nhận còn thiếu tiền hụi nguyên đơn Đ như nguyên đơn Đ đang kiện

đòi, mà chỉ có nội dung bị đơn H thừa nhận có chơi 02 dây hụi ngày 30/11/2010 nhưng đã đóng đủ rồi.

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà N trình bày: Dây hụi thứ nhất và thứ 4, mở hụi cùng ngày 10 tháng 10 năm 2009. Các bị đơn còn thiếu tiền của dây hụi lần thứ nhất là: 12 lần x 1.000.000đ/lần = 12.000.000đ và thiếu tiền của dây hụi lần thứ 4 là: 16 lần x 300.000đ/lần = 4.800.000đ. Sau đó nguyên đơn tiếp tục cho các bị đơn tham gia 02 dây hụi mở hụi ngày 30/11/2010, trong đó 01 dây hốt lần thứ 2 còn 01 dây hốt lần thứ 24, lúc hốt hụi 02 dây hụi năm 2010 thì bị đơn Q và H vẫn còn thiếu tiền hụi chết của 02 dây năm 2009.

Theo thông lệ của việc chơi hụi, sau khi hụi viên hốt hụi nhưng không đóng đủ tiền cho các dây hụi đã hốt trước đó thì chủ hụi sẽ không cho chơi các dây tiếp theo. Nếu có cho tham gia chơi các dây hụi tiếp theo thì phải đóng hụi sống đến khi được hốt hụi thì cấn trừ vào số nợ hụi trước đó.

Nguyên đơn cho rằng các bị đơn thiếu tiền hụi chết cả 4 dây hụi, trong đó có 02 dây mở hụi cùng ngày 10/10/2009 và 02 dây mở hụi cùng ngày 30/11/2010, trong đó có 01 dây của năm 2010 bị đơn đóng hụi sống đến lần thứ 24 khi đã mãn hụi của dây thứ 4, còn dây thứ nhất và dây thứ 2 cũng gần mãn hụi, khi bị đơn hốt hụi thì chủ hụi đã giao đủ tiền hụi được hốt cho các bị đơn mà không cấn trừ vào số tiền còn thiếu trước đó của 3 dây hụi.

Xét thấy, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ không được các bị đơn thừa nhận và không phù hợp với quy luật chơi hụi thông thường như đã phân tích nêu trên. Vì vậy, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ là có căn cứ pháp luật.

Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ không được các bị đơn thừa nhận và nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh, yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ không được chấp nhận. Vì vậy, nguyên đơn Đ phải chịu án phí theo qui định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Đ.

1- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST, ngày 22/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 9, 17, 24 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ yêu cầu buộc bà Đặng Thị Q và ông Trần Vũ H trả tiền hụi tổng cộng là 47.790.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc yêu cầu bà Đặng Thị Q và ông Trần Vũ H trả tiền vay 2.000.000 đồng.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ phải nộp 2.389.500 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.166.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003200 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, bà Đ có nghĩa vụ nộp tiếp 1.223.500 đồng.

3- Án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008315 ngày 12/3/2021 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Nam Trung